

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
Trụ sở làm việc Mặt trận tổ quốc và Khối đoàn thể
chính trị - xã hội huyện Như Xuân.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH4 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về chủ trương đầu tư dự án: Trụ sở làm việc Mặt trận Tổ quốc và khối đoàn thể chính trị - xã hội huyện Như Xuân;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4552/SXD-HĐXD ngày 10/7/2023 (kèm theo Tờ trình của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân và hồ sơ dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Mặt trận Tổ quốc và khối đoàn thể chính trị - xã hội huyện Như Xuân với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Trụ sở làm việc Mặt trận Tổ quốc và khối đoàn thể chính trị - xã hội huyện Như Xuân.

2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III, thời hạn sử dụng công trình theo thiết kế: 20÷50 năm.

3. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân.

4. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên trụ sở làm việc Mặt trận Tổ quốc và khối đoàn thể chính trị - xã hội huyện Như Xuân cũ tại thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân.

5. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng và thương mại Trường Thịnh.

6. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Long Giang.

7. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo điều kiện làm việc cho cán bộ công chức của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện Như Xuân, nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới.

8. Quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế chủ yếu

Phá dỡ công trình cũ, đầu tư xây dựng mới hạng mục nhà làm việc (02 tầng, diện tích sàn khoảng 550m²) và các công trình phụ trợ. Cụ thể như sau:

8.1. Nhà làm việc 02 tầng.

a) Giải pháp kiến trúc.

Công trình có quy mô 02 tầng, mặt bằng hình chữ nhật có kích thước 24,0mx12,3m. Chiều cao tầng 1 và 2 là 3,6m; mái lợp tôn cao 2,1m. Tổng chiều cao công trình từ cos +0.00 đến đỉnh mái là 9,3m. Cốt sàn so với nền là 0,75m.

Mặt bằng tầng 1 bố trí: 02 phòng Ủy ban MTTQ; 02 phòng Hội cựu chiến binh; 02 phòng Hội nông dân; 01 Kho và 01 khu vệ sinh nam nữ riêng biệt.

Mặt bằng tầng 2 bố trí: 02 phòng Hội liên hiệp phụ nữ; 02 phòng Đoàn thanh niên; phòng Kho; phòng họp và 01 khu vệ sinh nam nữ riêng biệt.

Giao thông đứng trong công trình bằng 02 cầu thang bộ, giao thông ngang bằng hành lang giữa nhà rộng 2,1m. Nền, sàn lát gạch Granit kích thước (600x600)mm. Riêng nền, sàn khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước (300x300)mm. Tường xây gạch không nung VXM mác 50. Trát tường trong và ngoài nhà bằng VXM mác 75, trát trần, gờ, phào, cạnh cửa. Tường lăn sơn trực tiếp. Tường khu vệ sinh ốp gạch men kính (300x450)mm cao 2,15m. Hệ thống mái xây tường thu hồi và lợp tôn chống nóng dày 0,47mm.

Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa nhôm hệ kính trắng dày 6,38mm. Hoa sắt cửa sổ dùng sắt hộp vuông (14x14x1.1)mm. Bậc tam cấp xây gạch, mặt lát đá granit. Nền đường dốc lên sảnh chính đổ bê tông đá 1x2 mác 250 dày 150mm kẻ chéo hình Caro. Bản thang đỡ BTCT tại chỗ, bậc thang xây gạch, mặt bậc lát đá granit. Lan can cầu thang dùng sắt vuông đặc 14x14mm, tay vịn gỗ kích thước 60x80mm.

b) Giải pháp kết cấu móng.

Kết cấu móng bằng BTCT giao thoa, giằng móng bằng BTCT đá 1x2 mác 250, tường móng xây gạch không nung VXM mác 75, bê tông lót đá 4x6 mác 100 dày 100mm.

Kết cấu khung BTCT chịu lực. Hệ cột dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 250 đổ tại chỗ. Tiết diện dầm điển hình (220x350)mm, (220x450)mm. Tiết diện cột

điển hình (220x300)mm, (220x220)mm. Sàn BTCT dày 100mm, bản BTCT cầu thang bộ dày 100mm.

c) Giải pháp cấp điện, chống sét.

Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ cột điện hiện có, Cấp đến công trình bằng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC (3x10+1x6)mm². Từ tủ điện tổng đến tủ điện tầng dùng dây Cu/XLPE/PVC 2x10mm². Dây dẫn trong các phòng dùng dây Cu/PVC (1x1,5)mm và Cu/PVC (1x2,5)mm. Hệ thống dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống nhựa.

Hệ thống mạng LAN: sử dụng dây UTP CAT6 luồn trong ống PVC D16 đi ngầm trong tường trần, kèm theo các phụ kiện.

Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét thép $\phi 16$ dài 0,7m, dây thu sét thép $\phi 10$. Hệ cọc tiếp địa bằng thép hình L63x63x6mm dài 2,5m. Dây tiếp địa bằng thép 40x4.

d) Giải pháp thoát nước.

Cấp nước: Được lấy từ nguồn nước hiện có và được bơm lên téc nước đặt trên mái và cấp xuống thiết bị dùng nước tại các khu vệ sinh bằng ống PPR.

Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung. Nước thải từ phễu sàn, lavabo được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC.

Nước mưa trên mái được thu về sênô xung quanh mái, vào các ống đứng thoát nước PVC và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

e) Giải pháp phòng cháy chữa cháy: Bình bột khô tổng hợp MFZ4, bình chữa cháy CO₂ MT3 và bảng tiêu lệnh chữa cháy.

8.2. Sân + rãnh thoát nước.

Sân lát gạch Terrazzo kích thước (400x400)mm, bê tông đá 1x2 mác 200 dày 10cm, đất nền hiện trạng.

Tường rãnh xây gạch dày 110mm, đáy rãnh, đáy hố ga sử dụng bê tông đá 4x6 mác 100 dày 100mm, nắp rãnh bằng BTCT mác 200 dày 100mm.

8.3. Phá dỡ hiện trạng.

Phá dỡ nhà làm việc hiện trạng 02 tầng, mặt bằng công trình có kích thước (19,35x17,4)m, chiều cao các tầng 3,6m, chiều cao mái 2,2m.

8.4. Nhà xe.

Mặt bằng nhà xe hình chữ nhật có kích thước (3,0x5,4)m, chiều cao 4,0m, trong đó chiều cao mái 1,2m, mái lợp tôn sóng dày 0,4mm, cột nhà xe bằng thép tròn D76 dày 2mm, mái nhà xe vì kèo thép L60x30x1.4mm. Kết cấu móng công trình là móng đơn BT đá 1x2 mác 200.

9. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 5.493.051.000 đồng; trong đó:

- Chi phí xây dựng : 4.479.966.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 112.276.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD : 597.585.000 đồng;
- Chi phí khác : 41.650.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 261.574.000 đồng.

(có Phụ lục chi tiết kèm theo).

10. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh hỗ trợ không quá 5 tỷ đồng; huyện Như Xuân chịu trách nhiệm bố trí phần còn lại (0,5 tỷ đồng) từ ngân sách huyện và các nguồn huy động hợp pháp khác.

11. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện quản lý dự án.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2023 - 2024.

13. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4552/SXD-HĐXD ngày 10/7/2023 nêu trên.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Xây dựng, Chủ đầu tư (Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán,...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.

2. Chủ đầu tư (Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Như Xuân; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN. (DA_M69)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

Phụ biểu: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

**Dự án: Trụ sở làm việc Mặt trận Tổ quốc và khối đoàn thể
chính trị - xã hội huyện Như Xuân.**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
1	Chi phí xây dựng	4.072.696.593	407.269.659	4.479.966.000
2	Chi phí quản lý dự án	112.276.100		112.276.000
3	Chi phí tư vấn ĐTXD	545.329.297	52.255.744	597.585.000
3.1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất	87.320.669	6.985.654	94.306.000
3.2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát XD	2.619.620	209.570	2.829.190
3.3	Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	185.959.326	18.595.933	204.555.259
3.4	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	10.507.557	1.050.756	11.558.313
3.5	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	10.181.741	1.018.174	11.199.915
3.6	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây dựng	17.594.049	1.759.405	19.353.454
3.7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	133.788.083	13.378.808	147.166.891
3.8	Chi phí giám sát công tác khảo sát XD	3.555.556	284.444	3.840.000
3.9	Chi phí thẩm định HSMT, HSYC	2.036.348		2.036.348
3.10	Chi phí thẩm định kết quả LCNT	2.036.348		2.036.348
3.11	Chi phí tư vấn kiểm định chất lượng công trình	89.730.000	8.973.000	98.703.000
4	Chi phí khác	41.323.869	325.816	41.650.000
4.1	Chi phí bảo hiểm công trình	3.258.157	325.816	3.583.973
4.2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	1.043.680		1.043.680
4.3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	30.332.628		30.332.628
4.4	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	6.689.404		6.689.404
5	Chi phí dự phòng			261.574.000
	Dự phòng phát sinh khối lượng			261.574.000
	Tổng cộng (làm tròn)			5.493.051.000